

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/DS-PT

Ngày: 09/4/2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn;

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Sum.

Ông Nguyễn Thanh Triều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2019/DSPT ngày 28/02/2019 về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 204/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2019/QĐ-PT ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Thị N, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Phạm Văn P, sinh năm 1956;

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: số 634, tổ 34, khu 2, thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Huỳnh Văn T, sinh năm 1974; (có mặt)

2/ Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1977; (có đơn xin vắng mặt)

3/ Phạm Thị D, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người kháng cáo: - Bị đơn ông Phạm Văn P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Mỹ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:

Ông Phạm Văn P với chị N là hàng xóm, ngày 05/3/2016 ông P có hỏi vay số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận miệng 2%/tháng, thời hạn trả là ngày 05/5/2016, khi vay ông P có làm biên nhận nợ ký tên và ghi rõ họ tên đến hạn ngày 05/5/2016 thì ông P có trả được 58.000.000 đồng, còn nợ lại 92.000.000 đồng, ông P hứa xin được trả dần hàng tháng nhưng ông P không trả dù chị N có đến nhà đòi nhiều lần nên ngày 15/5/2018 chị N nộp đơn khởi kiện ông P ở Tòa án nhân dân huyện C để giải quyết, sau khi Thẩm phán mời hai bên xuống Tòa án để hòa giải thì ông P thừa nhận còn nợ chị N số tiền 92.000.000 đồng, ông P xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng để hai bên thỏa thuận trả không yêu cầu Tòa án giải quyết, do ông P là hàng xóm nên chị N cũng đồng ý để hai bên thỏa thuận trả chứ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chị N làm đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định giải quyết vụ án số 103/2018/QĐST-DS ngày 14/8/2018, sau khi rút đơn khởi kiện lại thì ông P cũng tự nguyện trả cho chị N được 02 tháng số tiền 6.000.000 đồng, còn nợ lại 86.000.000 đồng ông P ngưng không trả nữa.

Nay chị N yêu cầu ông P trả số tiền vay còn nợ lại 86.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định từ ngày 05/5/2016 cho đến khi xét xử, trả vốn và lãi 01 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn P trình bày:*

Chị Phạm Thị Mỹ H là con gái của ông Phạm Văn P, trước đây chị H có tham gia chơi nhiều dây hụi do chị N làm đầu thảo, việc tham gia dây hụi này chỉ có chị H tham gia, ông P không trực tiếp tham gia, ngày 05/3/2016 chị N đến nhà ông P kêu ông P ký tên về việc chị H nợ tiền hụi, lúc đó ông P ký tên và ghi rõ họ tên trong tờ giấy trắng, nội dung trong tờ giấy này do chị N viết. Ông T xác định tờ giấy nợ do chị N cung cấp và khởi kiện ở Tòa án đối với ông P ngày 05/3/2016 nội dung ghi ông P có mượn của chị N 150.000.000 đồng đúng là chữ ký của ông P, nhưng từ trước cho đến nay ông P không có nợ tiền hay giao dịch dân sự gì với chị N.

Nay ông P không đồng ý trả số tiền 86.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng cho chị N, vì số tiền nợ này là của chị H, nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H có nghĩa vụ trả số tiền 86.000.000 đồng này cho chị N. Do ông P không nợ tiền nên yêu cầu Tòa án hủy quyết định số 12/2018/QĐ-BPKCTT ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C về việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nếu như việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời sai yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Mỹ H trình bày:*

Từ năm 2014 chị H có tham gia chơi nhiều dây hụi do chị N làm đầu thảo hụi, có các giấy tờ tham gia hụi nộp trong hồ sơ vụ án. Sau khi hết chị H không đóng hụi chết, còn nợ tổng cộng 150.000.000 đồng, sau đó chị H có gửi tiền cho chị D trả cho chị N nhiều lần, còn nợ lại 86.000.000 đồng cho đến nay chưa trả. Việc tham gia chơi hụi chỉ có một mình chị H tham gia, còn ông P cha của chị không có tham gia hụi nên không có nợ số tiền 86.000.000 đồng của chị N. Chị H xác định từ trước đến nay ông P không có nợ vay mượn, hay tham gia chơi hụi gì đối với chị N, do phía chị N ép buộc ông P ký tên vào tờ giấy trắng, nội dung thì chị N viết chứ ông P không viết.

Nay chị N kiện yêu cầu ông P trả số tiền 86.000.000 đồng và tiền lãi, chị H không đồng ý theo yêu cầu của chị N vì số nợ này là nợ riêng của chị H, nên nay chị H đồng ý trả cho chị N số tiền nợ hụi 86.000.000 đồng, đồng ý trả 01 lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị D trình bày:*

Chị D là em gái ruột của chị H, do trước đây chị H có tham gia chơi hụi ở chỗ chị N và đã hết hụi, nhưng do chị H đi làm ở thành phố H nên hàng tháng chị H có gửi tiền về cho chị D để đem qua nhà chị N đóng tiền hụi chết giúp chị H, khi đưa tiền cho chị N đóng tiền hụi thì không có làm giấy tờ gì. Nay chị D không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị N về việc yêu cầu ông P trả số tiền 86.000.000 đồng và tiền lãi, mà số tiền nợ này là tiền nợ hụi của chị H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn T trình bày:*

Anh Huỳnh Văn T là chồng của chị Đặng Thị N, trước đây ngày 05/3/2016 ông P có qua nhà hỏi chị N để vay số tiền 150.000.000 đồng có làm biên nhận nợ, sau khi vay ông P có trả nhiều lần hiện còn nợ lại 86.000.000 đồng cho đến nay chưa trả, nên chị N có đơn khởi kiện ông P trả số tiền vốn và lãi còn nợ là đúng. Còn việc chị H cho rằng số tiền ông P làm biên nhận nợ cho chị N là số tiền nợ hụi của chị H là không đúng trước đây chị H cũng có tham gia hụi do chị N làm đầu thảo nhưng cho đến nay các dây hụi đã mãn nên hai bên không còn nợ tiền hụi.

* Bản án sơ thẩm số: 204/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N.

Buộc ông Phạm Văn P trả cho chị Đặng Thị N số tiền vốn và lãi 89.898.666 đồng (Tám mươi chín triệu, tám trăm chín mươi tám ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị N về việc yêu cầu ông Phạm Văn P phải trả số tiền lãi 18.117.334 đồng (Mười tám triệu một trăm mười bảy ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng).

*Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*Ngày 08/11/2018, bị đơn ông Phạm Văn P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 204/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C tỉnh Tiền Giang yêu cầu:

- Hủy quyết định áp dụng biện pháp tạm thời số 12/2018/QĐ-BPKCTT ngày 02/10/2018.

- Sửa bản án sơ thẩm số 204/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N buộc ông Phạm Văn P phải trả số tiền 86.000.000 đồng vốn cộng tiền lãi.

- Buộc bà Phạm Thị Mỹ H trả cho bà Đặng Thị N số tiền 86.000.000 đồng vốn cộng tiền lãi.

*Ngày 08/11/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Phạm Thị Mỹ H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 204/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang yêu cầu:

- Hủy quyết định áp dụng biện pháp tạm thời số 12/2018/QĐ-BPKCTT ngày 02/10/2018.

- Sửa bản án sơ thẩm số 204/2018/DS-ST, ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N buộc ông Phạm Văn P phải trả số tiền 86.000.000 đồng vốn cộng tiền lãi.

- Chị H tự nguyện trả nợ tiền hui còn lại 86.000.000 đồng cho bà Đặng Thị N một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn T – đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Phạm Văn P có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xác định số nợ theo biên nhận ngày 05/3/2016 là nợ hui của chị Phạm

Thị Mỹ H, buộc chị H trả số nợ vốn và lãi còn lại cho chị N hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2018/QĐ-BPKCTT ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Nguyên đơn chị Đặng Thị N có ý kiến không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn Phạm Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Mỹ H xét là không có căn cứ nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là chị Phạm Thị Mỹ H có đơn xin vắng mặt và chị Phạm Thị D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Ngày 05/3/2016, viết biên nhận mượn của vợ T (Đặng Thị N vợ của Huỳnh Văn T) số tiền 150.000.000 đồng.

Theo chị N, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 02 tháng (05/5/2016), lãi suất 2%/tháng. Đến hạn ngày 05/5/2016, ông P trả được 58.000.000 đồng, còn nợ 92.000.000 đồng nên chị khởi kiện ông P ra Tòa án nhân dân huyện C. Tại Tòa án ông P trả dần cho chị mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nên chị đã rút đơn khởi kiện. Sau khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án, ông P có trả lại cho chị 02 tháng là 6.000.000 đồng thì ngưng. Do vậy, chị khởi kiện yêu cầu buộc ông P trả cho chị số tiền vốn còn nợ là 86.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 05/5/2016.

Bị đơn Phạm Văn P thừa nhận biên nhận nợ lập ngày 05/3/2016 do ông ký tên, nhưng cho rằng số tiền 150.000.000 đồng thực chất là tiền hụi của con ông là Phạm Thị Mỹ H nợ chị Ngoan. Vì thế, ông P và chị H kháng cáo đề nghị buộc chị H có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền còn nợ là 86.000.000 đồng và yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2018/QĐ BPKCTT ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông P và chị H nhận thấy, ông P cho rằng số tiền nợ 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 05/3/2016 là tiền chị H nợ hụi, chị N ép buộc ông ký tên, nên ông không đồng ý trả số tiền còn nợ theo yêu cầu của

chị N. Chị H thừa nhận chị là người chơi hụi và nợ hụi chị N nên đồng ý trả số tiền còn nợ cho chị N.

Xét lời trình bày của ông P và chị H không được chị N thừa nhận và ông P chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới ngoài các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P, chị H là có căn cứ nên ghi nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhận thấy: Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2018/QĐ-BPKCTT ngày 02/10/2018 được thẩm phán xem xét, quyết định trước khi mở phiên tòa. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T thừa nhận ông P đã được tổng đạt quyết định vào ngày 02/10/2018. Theo quy định tại Điều 140 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền khiếu nại trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng và trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại được thực hiện theo Điều 141 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông P và chị H không được chấp nhận, nên các đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 463, 466, 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khoản 1 Điều 148 và khoản 2 Điều 282 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Mỹ H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 204/2018/DSST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị N.

Buộc ông Phạm Văn P trả cho chị Đặng Thị N số tiền vốn và lãi 89.898.666 đồng (Tám mươi chín triệu, tám trăm chín mươi tám ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị N về việc yêu cầu ông Phạm Văn P phải trả số tiền lãi 18.117.334 đồng (Mười tám triệu một trăm mười bảy ngàn ba trăm ba mươi bốn đồng).

3. Về án phí: Ông Phạm Văn P phải chịu 4.494.933 đồng (Bốn triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông P đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09408 ngày 19/11/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện C nên ông P còn phải nộp tiếp số tiền 4.494.933 đồng (Bốn triệu bốn trăm chín mươi bốn ngàn chín trăm ba mươi ba đồng).

Chị Phạm Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, chị H đã tạm nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09411 ngày 19/11/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện C xem như chị H đã nộp xong.

Chị Đặng Thị N phải chịu 905.866 đồng (chín trăm lẻ năm ngàn tám trăm sáu mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.150.000 đồng theo biên lai thu số 09316 ngày 01/10/2018 và số tiền 1.247.000 đồng theo biên lai thu số 09345 ngày 16/10/2018 tiền tạm ứng án phí đã nộp của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh T nên hoàn lại cho chị N số tiền 2.491.134 đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi một ngàn một trăm ba mươi bốn đồng).

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 09/4/2019 có mặt chị N, ông T, anh T.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tuấn

